TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh;

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh D, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Lâm Trúc L, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn anh Lê Minh D trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Anh D và chị L kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống đến ngày 10/10/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cự cải nhau nên anh Lê Minh D xin được ly hôn với chị Lâm Trúc L.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 25/02/2017 (nam), hiện sống chung với anh D, khi ly hôn anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi con là Lê Trọng P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 17/02/2021 bị đơn chị Lâm Trúc L trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2017 chị L kết hôn với anh D, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng cự cãi nhiều lần, dẫn đến cuộc sống không đạt được hạnh phúc nên chị L đồng ý L hôn với anh D.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 25/02/2017 (nam), hiện sống chung với anh D, khi ly hôn chị L đồng ý giao con chung là Lê Trọng P cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Lê Minh D và bị đơn chị Lâm Trúc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Anh D và chị L kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2017 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51/2017 ngày 07 tháng 4 năm 2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh D và chị L được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, anh D xin L hôn với chị L là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng xảy ra cự cãi thường xuyên. Chị L cũng cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng cự cãi nhiều lần, dẫn đến cuộc sống không đạt được hạnh phúc nên chị L đồng ý ly hôn với anh D. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được và nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D. Anh Lê Minh D được ly hôn với chị Lâm Trúc L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Anh D và chị L xác định có 01 người con tên Lê Trọng P, sinh ngày 25/02/2017 (nam), hiện sống chung với anh D. Khi ly hôn anh D và chị L thỏa thuận thống nhất giao con chung là Lê Trọng P cho anh D nuôi dưỡng và chăm sóc. Xét thấy, sự thỏa thuận này của anh D và chị L không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao con chung là Lê Trọng P cho anh D nuôi dưỡng và chăm sóc.

Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên anh D phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Minh D. Anh Lê Minh D được ly hôn với chị Lâm Trúc L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Minh D nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 25/02/2017 (nam).

Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, anh D phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, anh D có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004629 ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Lợi An, H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo